

Số 1795 -TB/HVCTKV I

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo Cao cấp lý luận chính trị năm 2024

Kính gửi: Ban Tổ chức Tỉnh ủy/Thành ủy các tỉnh/thành phố phía Bắc

Thực hiện Kế hoạch số 159-KH/BTCTW ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về Kế hoạch đào tạo Cao cấp lý luận chính trị và bồi dưỡng cán bộ năm 2024;

Thực hiện Thông báo số 2796-TB/HVCTQG ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc phân bổ chỉ tiêu đào tạo Cao cấp lý luận chính trị năm 2024,

Học viện Chính trị khu vực I thông báo tuyển sinh đào tạo Cao cấp lý luận chính trị năm 2024 như sau:

1. Đối tượng, tiêu chuẩn và chỉ tiêu đào tạo Cao cấp lý luận chính trị

- Đối tượng, tiêu chuẩn đào tạo Cao cấp lý luận chính trị: Thực hiện theo Quy định số 57-QĐ/TW ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị.

- Chỉ tiêu đào tạo Cao cấp lý luận chính trị: Thực hiện theo Thông báo số 2796-TB/HVCTQG ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc phân bổ chỉ tiêu đào tạo Cao cấp lý luận chính trị năm 2024 (có văn bản kèm theo).

2. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào đối tượng, tiêu chuẩn và chỉ tiêu được phân bổ, hoàn thiện hồ sơ và danh sách cán bộ đăng ký xét tuyển (theo mẫu gửi kèm), gửi hồ sơ (bản gốc) và file mềm danh sách cán bộ đăng ký xét tuyển (font Times New Roman) về Ban Quản lý đào tạo, Học viện Chính trị khu vực I, số 15, đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Hồ sơ bao gồm:

- a. Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu gửi kèm).
- b. Sơ yếu lý lịch (mẫu 2C/TCTW-98 của Ban Tổ chức Trung ương).
- c. Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học.
- d. Giấy khám sức khỏe đủ điều kiện học tập còn thời hạn theo quy định.
- e. Văn bản có giá trị pháp lý xác định chức vụ công tác hoặc chức danh quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý còn hiệu lực (bản sao công chứng).
- f. Công văn cử cán bộ đăng ký xét tuyển của cấp ủy hoặc cơ quan có thẩm quyền.
- g. Các minh chứng đối tượng được hưởng ưu tiên (nếu có).
- h. 02 ảnh 4x6 và 02 ảnh 3x4.

Thời gian nhận hồ sơ và danh sách cán bộ đăng ký xét tuyển **đến hết Thứ 6, ngày 05 tháng 4 năm 2024.**

Thông tin liên hệ: Ban Quản lý đào tạo, Học viện Chính trị khu vực I, số 15, đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8540049

Fax: 0243.5530335

Email: tuyensinhhvctkv1@gmail.com

(Hoặc liên hệ trực tiếp với đồng chí Phạm Thị Ngọc Dung - Phó Giám đốc Học viện, điện thoại: 0969.865.476; đồng chí Ninh Thị Minh Tâm - Trưởng ban Quản lý đào tạo, điện thoại: 0917.967.848).

Học viện Chính trị khu vực I kính đề nghị quý cơ quan phối hợp để tuyển sinh đào tạo Cao cấp lý luận chính trị đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ tiêu và thời gian.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Học viện CTQG Hồ Chí Minh (để b/c),
- Các đơn vị thuộc Học viện (để t/h),
- Công TTĐT, Egov,
- Lưu: VP, Ban QLĐT.



K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Ngọc Dung

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
HỆ CAO CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Học viện Chính trị khu vực I

Họ và tên: Nam/Nữ: dân tộc:

Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:

Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:

Cơ quan công tác:

.....

Chức vụ: Cấp bậc (nếu có):

Chức vụ quy hoạch:

Bậc lương: ; Hệ số lương chức vụ:

Tốt nghiệp đại học:

(đối với hệ chuyên tu phải có bằng liên thông kèm theo)

Tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ (nếu có):

Học hàm, học vị (nếu có):

Đăng ký xét tuyển vào hệ Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị khu vực I.

Hình thức đào tạo (tập trung hoặc không tập trung):

Nếu được xét tuyển, tôi xin cam đoan thực hiện nghiêm túc Quy chế đào tạo và các Quy định của Học viện đối với học viên.

Địa chỉ (dùng để thông báo nhập học):

.....

Điện thoại:

Ngày tháng năm 2024

Người làm đơn

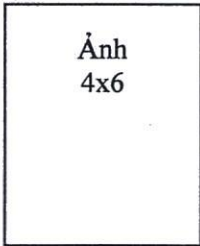
Bộ, Tỉnh:.....

Đơn vị trực thuộc:.....

Đơn vị cơ sở:.....

SƠ YẾU LÝ LỊCH

.....
Số hiệu cán bộ, công chức



Ảnh
4x6

1) Họ và tên khai sinh.....Nam, Nữ
(Viết chữ in hoa đậm nét)

2) Các tên gọi khác:

3) Cấp uỷ hiện tại:..... Cấp uỷ kiêm:

Chức vụ (Đảng, Đoàn thể, Chính quyền, kể cả chức vụ kiêm nhiệm):

.....Phụ cấp chức vụ:

4) Sinh ngày tháng năm 5) Nơi sinh:

6) Quê quán (Xã, phường):.....,(huyện, quận)
(tỉnh, TP).....

7) Nơi ở hiện nay (Xã, huyện, tỉnh hoặc số nhà, đường phố, TP):

Điện thoại:

8) Dân tộc (Kinh, Tày, Êđê...): ; 9) Tôn giáo:

10) Thành phần gia đình xuất thân:

.....
(Ghi là công nhân, nông dân, cán bộ, công chức, trí thức, quân nhân, dân nghèo thành thị, tiểu thương, tiểu chủ, tư sản...)

11) Nghề nghiệp bản thân trước khi được tuyển dụng:

.....
(Ghi nghề được đào tạo hoặc công nhân (thợ gì), làm ruộng, buôn bán, học sinh)

12) Ngày được tuyển dụng:/...../..... Vào cơ quan nào:.....

.....Ở đâu:

13) Ngày vào cơ quan hiện đang công tác:/...../.....Ngày tham gia cách mạng:

...../...../.....

14) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../.....; Ngày chính

thức...../...../.....

15) Ngày tham gia các tổ chức chính trị xã hội:.....

.....
(Ngày vào Đoàn TNCSHCM, Công đoàn, Hội)

16) Ngày nhập ngũ:// , Ngày xuất ngũ:// Quân hàm:.....

17) Trình độ học vấn: Giáo dục phổ thông:..... ; Học hàm, học vị cao nhất:

(Lớp mấy) (GS, PGS, TS, Thạc sĩ, Cử nhân, Kỹ sư, ... năm nào, chuyên ngành)

- Lý luận chính trị:; Quản lý nhà nước:.....

.....; Ngoại ngữ:

(Cử nhân, Cao cấp, Trung cấp, Sơ cấp) (Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên chính...) (Anh: A/B/C/D

Nga A/B/C/D Pháp A/B/C/D)

18) Công tác chính đang làm:

19) Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp:..... (mã số:.....), bậc lương, hệ số:..... từ tháng/

20) Danh hiệu được phong (Năm nào):

(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân, ưu tú ...)

21) Sở trường công tác:.....; Công việc đã làm lâu nhất:

22) Khen thưởng:

(Huân, huy chương, năm nào ...)

23) Kỷ luật: (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, Cấp quyết định, năm nào, lý do, hình thức....)

.....

24) Tình trạng sức khỏe: Cao:, Cân nặng(kg), Nhóm máu:

(Tốt, bình thường, yếu hoặc có bệnh mãn tính gì)

25) Số chứng minh nhân dân: Thương binh loại: Gia đình liệt sĩ:

26) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ

Tên trường	Ngành học hoặc tên lớp học	Thời gian học	Hình thức học	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì

Ghi chú: Hình thức học: Chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng.../Văn bằng: Tiến sĩ, Thạc sĩ, Cử nhân, Kỹ sư...

b) Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (Cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc...):

.....

.....

.....

.....

29) QUAN HỆ VỚI NƯỚC NGOÀI

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (Làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu...?):

.....

.....

.....

.....

.....

- Có thân nhân (Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) ở nước ngoài (làm gì, ở đâu):

.....

.....

.....

30) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

a) Bản thân: **Bố, mẹ, vợ (chồng), các con, anh chị em ruột**

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức xã hội
Bố, mẹ			
Vợ / Chồng			

Ngạch/bậc:								
Hệ số lương :								

- **Nguồn thu nhập chính của gia đình (hàng năm):** - Lương:
- Các nguồn khác:
- Nhà ở: + Được cấp, được thuê, loại nhà:, tổng diện tích sử dụng: m²
- + Nhà tự mua, loại nhà:, tổng diện tích sử dụng: m²
- Đất ở: + Đất được cấp: m², + Đất tự mua: m²
- Đất sản xuất, kinh doanh: (Tổng diện tích đất được cấp, tự mua, tự khai phá...)
-
-
-

....., ngày tháng năm

Người khai

Xác nhận của cơ quan quản lý

Tôi xin cam đoan những lời khai
trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm
trước pháp luật về những lời khai đó
(Ký tên)

TỈNH ỦY/THÀNH ỦY

.....

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA XÉT TUYỂN CAO CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NĂM 2024

Lớp/hệ:

(kèm theo Công văn số -CV/ ngày ... tháng 03 năm 2024 của ...)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Nơi sinh (tỉnh)	Năm vào Đảng (chính thức)	Trình độ chuyên môn	Hệ số lương	Phụ cấp trách nhiệm	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh quy hoạch	Số điện thoại	Email	Ghi chú
		Nam	Nữ										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													
3													
4													
5													

MINH

Số 2196 -TB/HVCTQG

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO
phân bổ chỉ tiêu đào tạo Cao cấp lý luận chính trị năm 2024

Căn cứ Quyết định số 145-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định số 57-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị;

Căn cứ Kế hoạch số 159-KH/BTCTW ngày 12/01/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về đào tạo Cao cấp lý luận chính trị và bồi dưỡng cán bộ năm 2024;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và năng lực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các đơn vị trực thuộc Giám đốc Học viện,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phân bổ chỉ tiêu đào tạo Cao cấp lý luận chính trị năm 2024 như sau:

1. Hệ tập trung¹ (chỉ tiêu cụ thể xem Phụ lục 1)

STT	Tên đơn vị	Tổng số học viên được phân bổ (Phân theo tỉnh/thành và bộ/ngành)		
		Số học viên	Tỉnh/thành	Bộ/Ban/ngành
1	Học viện Chính trị quốc gia HCM	1177	380	797
2	Học viện Chính trị khu vực I	774	774	-
3	Học viện Chính trị khu vực II	570	570	-
4	Học viện Chính trị khu vực III	616	616	-
5	Học viện Chính trị khu vực IV	441	441	-
6	Cộng	3578	2781	797

2. Hệ không tập trung² (chỉ tiêu cụ thể xem Phụ lục 2)

STT	Tên đơn vị	Tổng số học viên được phân bổ (Phân theo tỉnh/thành và bộ/ngành)		
		Số học viên	Tỉnh/thành	Bộ/Ban/ngành
1	Học viện Chính trị quốc gia HCM	1316	301	1015
2	Học viện Chính trị khu vực I	860	860	-
3	Học viện Chính trị khu vực II	730	730	-
4	Học viện Chính trị khu vực III	747	747	-
5	Học viện Chính trị khu vực IV	556	556	-
6	Cộng	4209	3194	1015

¹ Lớp tập trung sĩ số không quá 50 học viên/lớp

² Lớp không tập trung sĩ số không quá 60 học viên/lớp

3. Tổ chức thực hiện

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện xét tuyển đào tạo cao cấp lý luận chính trị theo đúng Quy định số 57-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị và đúng tỷ lệ 1:1,2 (các địa phương, đơn vị cử 1 cán bộ học hệ tập trung sẽ được cử 1,2 cán bộ học hệ không tập trung)³.

2. Các cơ sở đào tạo thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp chặt chẽ với các địa phương, đơn vị tuyển sinh đảm bảo đúng quy định. Việc xét duyệt sĩ số học viên các lớp không tập trung dựa trên số lượng trúng tuyển thực tế hệ tập trung của các địa phương, đơn vị và không xem xét bổ sung hồ sơ sau khi lớp đã khai giảng.

3. Căn cứ chỉ tiêu đào tạo được Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phân bổ, Thủ trưởng các cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng tuyển sinh, tổ chức xét tuyển, lập danh sách trúng tuyển gửi về Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (qua Vụ Quản lý đào tạo) để thẩm định⁴. Hồ sơ thẩm định gồm:

(i) Công văn đề nghị thẩm định của Thủ trưởng cơ sở đào tạo và danh sách học viên đã được Hội đồng Tuyển sinh Học viện Chính trị khu vực thông qua.

(ii) Biên bản họp Hội đồng Tuyển sinh của Học viện Chính trị khu vực.

(iii) Bản sao Công văn (kèm theo danh sách cán bộ) của cấp ủy hoặc cơ quan có thẩm quyền đề nghị Giám đốc Học viện Chính trị khu vực xét tuyển.

(iv) Bản tổng hợp chỉ tiêu được giao, số lượng đề nghị xét tuyển của cấp ủy hoặc cơ quan có thẩm quyền.

4. Các địa phương, cơ quan đơn vị có chỉ tiêu tuyển sinh tại Kế hoạch số 159-KH/BTCTW ngày 12/01/2024 của Ban Tổ chức Trung ương chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức xét tuyển đảm bảo đúng quy định và không cử cán bộ đi công tác nước ngoài trong thời gian tham gia học tập theo kế hoạch giảng dạy - học tập toàn khóa của Học viện.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện,
- Ban Tổ chức Trung ương,
- Cục Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (Ban TCTW),
- Các đơn vị trực thuộc Học viện,
- Các đơn vị có chỉ tiêu mở lớp,
- Lưu: VT, Vụ QLĐT.



Nguyễn Xuân Thắng

³ Cán bộ được các cơ sở đào tạo thuộc Học viện xét trúng tuyển nếu không nhập học đúng hạn sẽ không được bảo lưu kết quả trúng tuyển và chỉ được xét tuyển lại sau ít nhất 02 năm tính từ thời điểm có quyết định trúng tuyển.

⁴ Học viện Chính trị khu vực nộp hồ sơ đề nghị thẩm định các lớp hệ tập trung và không quá 1/2 số lớp không tập trung về Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (qua Vụ Quản lý đào tạo) trước ngày 19/4/2024; hồ sơ các lớp không tập trung còn lại nộp trước ngày 10/5/2024.

PHỤ LỤC**Phụ lục 1. Chỉ tiêu đào tạo Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung****A. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

TT	Địa phương	Học viện Quốc gia	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Tổng số
1	Hà Nội	100					100
2	Tp Hồ Chí Minh	5		100			105
3	Hải Phòng	5	58				63
4	Hà Giang	5	39				44
5	Cao Bằng	5	27				32
6	Lai Châu	5	28				33
7	Điện Biên	5	33				38
8	Lào Cai	5	45				50
9	Tuyên Quang	5	17				22
10	Lạng Sơn	5	41				46
11	Bắc Kạn	5	12				17
12	Thái Nguyên	5	51				56
13	Yên Bái	5	27				32
14	Sơn La	5	45				50
15	Phú Thọ	5	29				34
16	Vĩnh Phúc	5	13				18
17	Quảng Ninh	5	25				30
18	Bắc Giang	5	15				20
19	Bắc Ninh	5	8				13
20	Hải Dương	5	11				16
21	Hưng Yên	5	25				30
22	Hòa Bình	5	23				28
23	Hà Nam	5	12				17
24	Nam Định	5	30				35
25	Thái Bình	5	25				30
26	Ninh Bình	5	5				10
27	Thanh Hóa	5	50				55
28	Nghệ An	5	35				40
29	Hà Tĩnh	5	45				50
30	Đà Nẵng	5			58		63
31	Quảng Bình	5			25		30
32	Quảng Trị	5			37		42

TT	Địa phương	Học viện Quốc gia	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Tổng số
33	Thừa Thiên - Huế	5			23		28
34	Quảng Nam	5			66		71
35	Quảng Ngãi	5			45		50
36	Bình Định	5			45		50
37	Phú Yên	5			25		30
38	Khánh Hòa	5			43		48
39	Kon Tum	5			45		50
40	Gia Lai	5			70		75
41	Đắk Lắk	5			89		94
42	Đắk Nông	5			45		50
43	Cần Thơ	2				57	59
44	Ninh Thuận	5		33			38
45	Bình Thuận	5		45			50
46	Lâm Đồng	5		33			38
47	Bình Phước	5		25			30
48	Bình Dương	5		57			62
49	Tây Ninh	5		46			51
50	Đồng Nai	5		39			44
51	Bà Rịa - Vũng Tàu	5		34			39
52	Long An	5		95			100
53	Đồng Tháp	5		36			41
54	An Giang	2				48	50
55	Tiền Giang	2				47	50
56	Hậu Giang	2				21	23
57	Bến Tre	5		27			32
58	Vĩnh Long	2				48	50
59	Trà Vinh	2				44	46
60	Sóc Trăng	2				45	47
61	Kiên Giang	2				58	60
62	Bạc Liêu	2				26	28
63	Cà Mau	2				46	48
TỔNG A		380	774	570	616	441	2781

B. Các cơ quan Trung ương

TT	Đơn vị	Học viện Quốc gia	Học viện CTKVI	Học viện CTKVII	Học viện CTKVIII	Học viện CTKVIV	Tổng số
1	Ban Dân vận Trung ương	2					2
2	Ban Đối ngoại Trung ương	7					7
3	Ban Nội chính Trung ương	1					1
4	Ban Tổ chức Trung ương	1					1
5	Ban Tuyên giáo Trung ương	5					5
6	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	13					13
7	Báo Nhân dân	7					7
8	Bộ Công Thương	33					33
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	70					70
10	Bộ Giao thông vận tải	24					24
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	17					17
12	Bộ Khoa học và Công nghệ	10					10
13	Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội	8					8
14	Bộ Ngoại giao	19					19
15	Bộ Nội vụ	16					16
16	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	21					21
17	Bộ Tài chính	16					16
18	Bộ Tài nguyên & Môi trường	24					24
19	Bộ Thông tin & Truyền thông	21					21
20	Bộ Tư pháp	25					25
21	Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch	20					20
22	Bộ Xây dựng	21					21
23	Bộ Y tế	39					39
24	Đại học Quốc gia Hà Nội	15					15
25	Đại học quốc gia Tp Hồ Chí Minh	25					25
26	Đài Tiếng nói Việt Nam	6					6
27	Đài Truyền hình Việt Nam	15					15
28	Đảng ủy khối Doanh nghiệp Trung ương	1					1
29	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	19					19
30	Hội Nhà văn Việt Nam	1					1
31	Hội Nhà báo Việt Nam	4					4
32	Kiểm toán Nhà nước	27					27
33	Liên hiệp các Hội KHKT VN	7					7
34	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam	2					2
35	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	4					4
36	Ngân hàng Nhà nước VN	21					21
37	Nhà Xuất bản CTQG Sự thật	1					1
37	Liên đoàn Thương mại & Công nghiệp Việt Nam	6					6
38	Tạp chí Cộng sản	2					2

39	Thanh tra Chính phủ	12					12
40	Thông tấn xã Việt Nam	6					6
41	Tổng Liên đoàn Lao động VN	11					11
42	Tòa án nhân dân tối cao	9					9
43	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	11					11
44	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	4					4
45	Trung ương Hội Nông dân VN	2					2
46	Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia	1					1
47	Ủy ban Kiểm tra Trung ương	6					6
48	CQ Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	3					3
49	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	3					3
50	Văn phòng Chính phủ	13					13
51	Văn phòng Chủ tịch nước	2					2
52	Văn phòng Quốc hội	19					19
53	Văn phòng Trung ương Đảng	2					2
54	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	8					8
55	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	9					9
56	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	30					30
57	Ban Cơ yếu Chính phủ	5					5
58	Tổng Công ty Lâm nghiệp VN	2					2
59	Tổng Công ty Cà phê VN	15					15
60	Tổng Công ty Lương thực Miền nam	11					11
61	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5					5
62	Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện	2					2
63	Tổng Công ty Hàng hải VN	3					3
64	Tổng Công ty Đường sắt VN	5					5
65	Tập đoàn Dệt may VN	2					2
66	Ngân hàng Chính sách xã hội TW	6					6
67	Tổng Công ty Bưu điện VN	1					1
68	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	12					12
69	Tổng Công ty Thép VN	1					1
TỔNG B		797					797

Tổng cộng phụ lục 1:

TT	Mục	Học viện Quốc gia	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Tổng số
1	A	380	774	570	616	441	2781
2	B	797	-	-	-	-	797
	CỘNG A & B	1177	774	570	616	441	3578

Phụ lục 2. Chỉ tiêu đào tạo Cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung

A. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TT	Địa phương, đơn vị	Học viện Quốc gia	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Tổng số
1	Hà Nội	120					120
2	TP Hồ Chí Minh			126			126
3	Hải Phòng	76					76
4	Hà Giang		53				53
5	Cao Bằng		39				39
6	Lai Châu		38				38
7	Điện Biên		46				46
8	Lào Cai		60				60
9	Tuyên Quang	21					21
10	Lạng Sơn		56				56
11	Bắc Kạn		21				21
12	Thái Nguyên		68				68
13	Yên Bái		35				35
14	Sơn La		60				60
15	Phú Thọ		0				0
16	Vĩnh Phúc		22				22
17	Quảng Ninh	36					36
18	Bắc Giang		24				24
19	Bắc Ninh		16				16
20	Hải Dương		19				19
21	Hưng Yên		36				36
22	Hòa Bình		31				31
23	Hà Nam		20				20
24	Nam Định		42				42
25	Thái Bình		36				36
26	Ninh Bình		12				12
27	Thanh Hóa		66				66
28	Nghệ An	48					48
29	Hà Tĩnh		60				60
30	Đà Nẵng				76		76
31	Quảng Bình				0		0
32	Quảng Trị				51		51
33	Thừa Thiên - Huế				34		34
34	Quảng Nam				72		72
35	Quảng Ngãi				60		60
36	Bình Định				60		60
37	Phú Yên				36		36
38	Khánh Hòa				58		58
39	Kon Tum				60		60
40	Gia Lai				90		90
41	Đắk Lắk				90		90
42	Đắk Nông				60		60
43	Cần Thơ					71	71
44	Ninh Thuận			31			31
45	Bình Thuận			60			60

TT	Địa phương, đơn vị	Học viện Quốc gia	Học viện CTKV I	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Tổng số
46	Lâm Đồng			46			46
47	Bình Phước			36			36
48	Bình Dương			75			75
49	Tây Ninh			62			62
50	Đồng Nai			53			53
51	Bà Rịa - Vũng Tàu			47			47
52	Long An			120			120
53	Đồng Tháp			41			41
54	An Giang					60	60
55	Tiền Giang					60	60
56	Hậu Giang					28	28
57	Bến Tre			33			33
58	Vĩnh Long					60	60
59	Trà Vinh					56	56
60	Sóc Trăng					57	57
61	Kiên Giang					72	72
62	Bạc Liêu					34	34
63	Cà Mau					58	58
	CỘNG	301	860	730	747	556	3194

B. Các cơ quan Trung ương, đơn vị

TT	Đơn vị	Học viện Quốc gia	Học viện CTKVI	Học viện CTKVII	Học viện CTKVIII	Học viện CTKIV	Tổng số
1	Ban Dân vận Trung ương	1					1
2	Ban Đối ngoại Trung ương	1					1
3	Ban Nội chính Trung ương	2					2
4	Ban Tổ chức Trung ương	2					2
5	Ban Tuyên giáo Trung ương	5					5
6	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	16					16
7	Báo Nhân dân	9					9
8	Bộ Công Thương	40					40
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	84					84
10	Bộ Giao thông vận tải	29					29
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	21					21
12	Bộ Khoa học và Công nghệ	12					12
13	Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội	10					10
14	Bộ Ngoại giao	23					23
15	Bộ Nội vụ	15					15
16	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	26					26
17	Bộ Tài chính	20					20
18	Bộ Tài nguyên & Môi trường	29					29
19	Bộ Thông tin & Truyền thông	24					24
20	Bộ Tư pháp	27					27
21	Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch	24					24
22	Bộ Xây dựng	26					26
23	Bộ Y tế	47					47
24	Đại học Quốc gia Hà Nội	18					18
25	Đại học quốc gia Tp Hồ Chí Minh	19					19
26	Đài Tiếng nói Việt Nam	7					7

TT	Đơn vị	Học viện Quốc gia	Học viện CTKVI	Học viện CTKVII	Học viện CTKVIII	Học viện CTKVIV	Tổng số
27	Đài Truyền hình Việt Nam	18					18
28	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2					2
29	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	1					1
30	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	1					1
32	Hội Nhà văn Việt Nam	1					1
33	Hội Nhà báo Việt Nam	3					3
34	Kiểm toán Nhà nước	3					3
35	Liên hiệp các Hội KHKT VN	8					8
36	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	5					5
37	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	26					26
38	Nhà Xuất bản CTQG Sự thật	1					1
39	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	6					6
40	Tạp chí Cộng sản	3					3
41	Thanh tra Chính phủ	10					10
42	Thông tấn xã Việt Nam	8					8
43	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	14					14
44	Tòa án nhân dân tối cao	131					131
45	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	14					14
46	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	5					5
47	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	2					2
48	Ủy ban Dân tộc	1					1
49	Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia	2					2
50	Ủy ban Kiểm tra Trung ương	5					5
51	CQ Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	1					1
52	Ủy ban TƯ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4					4
53	Văn phòng Chính phủ	16					16
54	Văn phòng Chủ tịch nước	3					3
55	Văn phòng Quốc hội	23					23
56	Văn phòng Trung ương	3					3
57	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	10					10
58	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	11					11
59	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	31					31
60	Ban Cơ yếu Chính phủ	6					6
61	Tổng Công ty Lâm nghiệp VN	1					1
62	Tổng Công ty Cà phê VN	18					18
63	Tổng Công ty Lương thực Miền nam	14					14
64	Tập đoàn Điện lực VN	6					6
65	Tập đoàn Dầu khí VN	1					1
66	Tập đoàn Hóa chất VN	1					1

TT	Đơn vị	Học viện Quốc gia	Học viện CTKVI	Học viện CTKVII	Học viện CTKVIII	Học viện CTKVIV	Tổng số
67	Tổng Công ty Cảng hàng không VN	1					1
68	Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	1					1
69	Tổng Công ty Hàng không VN	1					1
70	Tập đoàn Cao su VN	1					1
71	Tổng Công ty Thuốc lá VN	1					1
72	Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện	3					3
73	Tổng Công ty Hàng hải VN	4					4
74	Tổng Công ty Đường sắt VN	4					4
75	Tập đoàn Dệt May VN	3					3
76	Ngân hàng Chính sách xã hội TW	8					8
77	Tổng Công ty Bưu điện VN	2					2
78	Tổng Công ty Xi măng VN	1					1
79	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	15					15
80	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1					1
81	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	1					1
82	Tổng Công ty Thép VN	2					2
83	Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	1					1
84	Tổng Công ty Sông Đà	1					1
85	Tập đoàn Bảo Việt	1					1
86	Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy/Bộ GTVT	1					1
87	Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải VN/Bộ GTVT	1					1
88	Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam	1					1
89	Bảo hiểm tiền gửi VN	1					1
90	Tập đoàn Xăng dầu VN	1					1
91	Ngân hàng Phát triển VN	1					1
TỔNG B		1015					1015

Tổng cộng phụ lục 2:

TT	Mục	Học viện Quốc gia	Học viện CTKVI	Học viện CTKV II	Học viện CTKV III	Học viện CTKV IV	Tổng số
1	A	301	860	730	747	556	3194
2	B	1015	-	-	-	-	1015
	CỘNG A & B	1316	860	730	747	556	4209